

TỜ TRÌNH
**Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020
và năm 2019 chuyển sang**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau

Thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019), Luật Đầu tư công năm 2019; Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau trình Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019, năm 2020 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Trong quá trình triển khai thực hiện có những dự án có tiến độ thực hiện nhanh cần bổ sung vốn để sớm hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng bên cạnh đó có những dự án trong quá trình triển khai gặp khó khăn vướng mắc nên không giải ngân hết kế hoạch vốn đã bố trí. Do đó, để sử dụng có hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM

1. Mục đích

Tổ chức thực hiện và sử dụng có hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang.

2. Quan điểm

Thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản pháp luật của cấp thẩm quyền về đầu tư công, làm cơ sở để điều hành, tổ chức triển khai thực hiện tốt kế hoạch vốn đầu tư công của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các đơn vị có liên quan rà soát, xây dựng dự thảo Nghị quyết và đã gửi lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị; kết quả có 16/18 đơn vị tham gia đóng góp ý kiến.

Về cơ bản các đơn vị thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết; tuy nhiên có một số ý kiến đóng góp về các thông tin, số liệu của dự án hoặc đề nghị bổ sung kế hoạch vốn; qua đó, cơ quan soạn thảo Nghị quyết đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung trên cơ sở khả năng cân đối kế hoạch vốn bố trí. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức cuộc họp thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh để thảo luận, biểu quyết nội dung dự thảo Nghị quyết theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG

1. Bố cục

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang có 03 Điều.

2. Nội dung cơ bản

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 (gồm cả năm 2019 chuyển sang) là 3.981,847 tỷ đồng; tính đến ngày 04/11/2020 đã giải ngân 2.921,283 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 73,4% (trong đó riêng vốn ngân sách tập trung do tỉnh quản lý giải ngân đạt tỷ lệ 84%, vốn xổ số kiến thiết giải ngân đạt tỷ lệ 63,7%).

Trong quá trình triển khai thực hiện, có một số dự án gặp khó khăn vướng mắc (như: bồi thường giải phóng mặt bằng, phát sinh hạng mục đầu tư phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án, điều chỉnh thiết kế - bản vẽ thi công hoặc đang trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu...) hoặc có những dự án qua đấu thầu có giảm giá nên khả năng không giải ngân hết kế hoạch vốn đã bố trí; từ đó các chủ đầu tư dự án đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đã bố trí; đồng thời cũng có những dự án có tiến độ thực hiện nhanh, đã giải ngân hết kế hoạch vốn đã bố trí và có nhu cầu bổ sung thêm vốn để đẩy nhanh tiến độ sớm hoàn thành đưa vào sử dụng.

Xuất phát từ thực tế trên, để sử dụng có hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang, góp phần tăng tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công; việc đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn của các chủ đầu tư từ dự án không có khả năng giải ngân sang dự án có nhu cầu bổ sung vốn là cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bổ sung danh mục dự án và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang như sau:

1. Kế hoạch vốn ngân sách tập trung và nguồn thu sử dụng đất do tỉnh quản lý năm 2020 (684,597 tỷ đồng): điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 12,323 tỷ đồng của 11 dự án để bổ sung kế hoạch vốn cho 05 dự án, như Phụ lục I kèm theo.

2. Kế hoạch vốn xổ số kiến thiết năm 2020 (900,485 tỷ đồng): đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 11,754 tỷ đồng của 10 dự án để bổ sung kế hoạch vốn cho 06 dự án, như Phụ lục II kèm theo.

3. Kế hoạch vốn xổ số kiến thiết năm 2019 chuyển sang (46,661 tỷ đồng): đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 145 triệu đồng của 02 dự án để bổ sung kế hoạch vốn cho 01 dự án, như Phụ lục III kèm theo.

Trên đây là nội dung Tờ trình về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh (VIC);
- LĐVP UBND tỉnh (VIC);
- Các Sở: KH&ĐT, TC (VIC);
- Phòng TH;
- Lưu: VT, TT/11.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi



PHỤ LỤC I

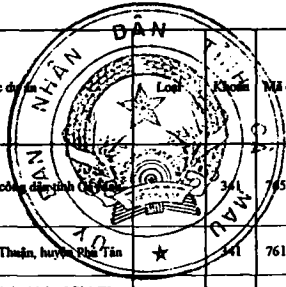
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số 126 /TTr-UBND ngày 13/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Loại	Khuôn	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	
					Số QĐ; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tăng (+)	Giảm (-)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=(16+18)-19	21	22	
TỔNG SỐ							4.278.626	2.097.324	300.814	29.891	1.885.521	1.281.462	1.349.708	872.173	800.345	684.597	684.597	12.323	12.323	684.597		
A NÔNG, LÂM, THỦY SẢN							290.844	138.864	70.877	-	146.107	106.107	65.618	28.044	23.000	23.000	23.000	-	-	23.000		
<i>1 Dự án chuyển tiếp</i>							290.844	138.864	70.877	-	146.107	106.107	65.618	28.044	23.000	23.000	23.000	-	-	23.000		
1	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia U Minh hạ, tỉnh Cà Mau			7070714	936/QĐ-UBND ngày 12/6/2008; 153/QĐ-UBND ngày 27/01/2016	144.560	33.580	70.877	-	38.580	38.580	18.418	15.844	10.600	10.600	10.600			10.600		Vườn Quốc gia U Minh hạ	
2	Công trình đầu tư rừng giống, vườn giống, vườn ươm cây rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau	280	283	7626031	2431/QĐ-SNN ngày 27/10/2017	7.867	7.867			7.867	7.867	2.000	2.000	3.000	3.000	3.000			3.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
3	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất giống - Trại giống Khánh Lâm 2	280	281	7578614	540/QĐ-UBND ngày 29/3/2016; 78/QĐ-UBND ngày 16/01/2018; 1682/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	63.060	48.060			63.060	48.060	20.000	5.000	3.000	3.000	3.000			3.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
4	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020			7599744	1817/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	75.357	49.357			36.600	11.600	25.200	5.200	6.400	6.400	6.400			6.400		Chi cục Kiểm lâm tỉnh Cà Mau	
B GIAO THÔNG							2.316.250	834.942	192.564	16.664	626.624	275.528	838.848	435.752	311.500	239.500	241.790	2.290	0	241.790		
<i>1 Dự án chuyển tiếp</i>							2.316.250	834.942	192.564	16.664	626.624	275.528	838.848	435.752	311.500	239.500	241.790	2.290	0	241.790		
1	Hệ thống giao thông khu hành chính huyện Phú Tân			7147972	1297/QĐ-UBND ngày 29/7/2009	89.981	89.981	16.664	16.664	73.317	73.317	45.753	45.753	15.000	15.000	15.000			15.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
2	Tuyến đường phía bờ Nam sông Ông Đốc nối vào Quốc lộ 1A (Rau Dừa - Rạch Ràng - Sông Đốc).			7249003	1566/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1655/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; 72/QĐ-UBND ngày 13/01/2020	1.521.792	593.000	100.000	-	481.096	160.000	764.096	371.000	283.000	211.000	211.000			211.000		Sở Giao thông Vận tải	
3	Tuyến đường cứu hộ, cứu nạn đê biển Tây, phục vụ ANQP khu vực Hòn Đá Bạc kết hợp phòng cháy rừng VQG U Minh hạ, tỉnh Cà Mau (đường Tắc Thủ - Vàm Đá Bạc)			7249001	1569/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1636/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; 1683/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	657.270	113.550	75.900	-	13.800	3.800	13.800	3.800	1.500	1.500	1.500			1.500		Sở Giao thông vận tải	
4	Tuyến đường vào Khu căn cứ Huyện ủy huyện Thới Bình			7653862	4467/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	23.796	15.000			35.000	15.000	10.000	10.000	3.000	3.000	3.000			3.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình	

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đề giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tăng (+)	Giảm (-)			
5	Tuyến đường bờ Tây kênh Kiềm Lâm, thị trấn Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân			7685902	382/QĐ-SXD ngày 30/10/2018; 186/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	23.411	23.411			23.411	23.411	5.199	5.199	9.000	9.000	11.290	2.290		11.290	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
C	HẠ TẦNG ĐÔ THỊ					651.552	183.353	24.146	-	286.985	67.778	35.229	28.364	33.633	33.633	33.549	0	84	33.549		
I	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					642.400	174.201	24.146	-	198.833	59.618	34.877	28.012	25.833	25.833	25.749	0	84	25.749		
1	Dự án đầu tư xây dựng đường dẫn nối Quốc lộ 1A vào dự án khu dân cư phía Đông Quốc lộ 1A (Khu A), xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau		292	7598225	277/QĐ-SXD ngày 14/10/2016	14.862	14.862			14.862	14.862	2.839	2.839	5.300	5.300	5.300			5.300		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
2	Nâng cấp đường trung tâm hành chính huyện Cái Nước (đoạn từ cầu Thủ chính đến cầu Đền thờ Bác Hồ)		292	7723869	383/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	10.886	10.886			10.886	10.886	8.038	8.038	2.773	2.773	2.773			2.773		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
3	Nâng cấp đường ô tô đến trung tâm thị trấn Rạch Gốc (đoạn từ ngã tư Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp đến cầu Kênh Huế), huyện Ngọc Hiển		292	7725816	388/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.310	8.310			8.310	8.310	4.000	4.000	3.760	3.760	3.676		84	3.676	Công trình hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
4	Dự án đường dẫn nối từ Quốc lộ 63 (đường Nguyễn Trãi) vào dự án khu dân cư Đông Bắc Quảng trường văn hóa trung tâm (Khu C)		292	7524410	543/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	40.558	40.558			25.560	25.560	9.381	9.381	13.000	13.000	13.000			13.000		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
5	Dự án Cải tạo và xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau			7007279	1258/QĐ-UBND ngày 27/8/2015; 480/QĐ-TTg ngày 08/4/2020	567.784	99.585	24.146		139.215		10.619	3.754	1.000	1.000	1.000			1.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
II	<i>Dự án khởi công mới năm 2020</i>					9.152	9.152	-	-	8.152	8.152	352	352	7.800	7.800	7.800	0	0	7.800		
1	Bờ kè từ cống Rạch Ráng đến Trụ sở Công an huyện Trần Văn Thời			7635201	221/QĐ-UBND ngày 23/5/2017	9.152	9.152			8.152	8.152	352	352	7.800	7.800	7.800			7.800		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
D	HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP					4.590	4.590	-	-	4.590	4.590	-	-	4.495	4.495	4.495	0	0	4.495		
I	<i>Dự án khởi công mới năm 2020</i>					4.590	4.590	-	-	4.590	4.590	-	-	4.495	4.495	4.495	0	0	4.495		
1	Dự án đầu tư xây dựng mới đường dây trung thế 3 pha đường N1 (tuyến bên phải) Khu công nghiệp Khánh An		309	7766120	90/QĐ-SCT ngày 18/6/2019	4.590	4.590			4.590	4.590			4.495	4.495	4.495			4.495		Ban Quản lý Khu kinh tế
E	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN					26.521	24.990	-	-	24.990	24.990	19.990	19.990	9.903	9.903	9.903	0	0	9.903		
I	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					26.521	24.990	-	-	24.990	24.990	19.990	19.990	9.903	9.903	9.903	0	0	9.903		
1	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Đảng tỉnh Cà Mau giai đoạn 2015 - 2020			7579881	1650/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	26.521	24.990			24.990	24.990	19.990	19.990	9.903	9.903	9.903			9.903		Văn phòng Tỉnh ủy Cà Mau
G	KHỐI ĐẢNG, NHÀ NƯỚC					866.129	887.845	13.227	13.227	768.159	786.411	347.584	317.584	307.419	283.671	292.187	8.883	447	292.187		
I	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					882.289	744.005	13.227	13.227	696.319	642.571	346.172	316.172	279.264	255.516	261.452	6.383	447	261.452		
1	Trụ sở Huyện ủy Trần Văn Thời và các Ban Đảng		341	7435891	1846/QĐ-UBND ngày 11/12/2013	45.365	40.829	5.646	5.646	26.733	26.733	21.704	21.704	5.000	5.000	5.000			5.000		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
2	Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau		341	7580170	1788/QĐ-UBND ngày 19/10/2016	432.227	432.227			389.000	389.000	222.121	222.121	147.311	147.311	153.394	6.083		153.394	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Trụ sở hành chính thị trấn U Minh, huyện U Minh		341	7605693	313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	12.510	12.510			12.510	12.510	11.259	11.259	1.037	1.037	1.037			1.037		Ủy ban nhân dân huyện U Minh



TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trong hạn giải đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
			Số QĐ; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tăng (+)	Giảm (-)			
4	Mở rộng Trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh Cà Mau	955288	486/QĐ-SXD ngày 30/12/2017; 150/QĐ-SXD ngày 06/6/2019	6.186	6.186			2.500	2.500	2.400	2.400	3.500	3.500	3.500			3.500		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
5	Trụ sở hành chính xã Phú Thuận, huyện Phú Tân	7618945	350/QĐ-SXD ngày 29/8/2017	14.908	14.908			14.433	14.433	5.577	5.577	8.846	8.846	8.846			8.846		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
6	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở hành chính xã Phú Tân, huyện Phú Tân	7685901	363/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	14.930	14.930			14.930	14.930	4.200	4.200	10.340	10.340	10.340			10.340		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
7	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy U Minh	7607698	313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	8.616	8.616			8.616	8.616	4.200	4.200	3.500	3.500	3.500			3.500		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
8	Trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	7679836	425/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.897	14.897			13.772	13.772	4.200	4.200	10.638	10.638	10.623	15		10.623	Công trình hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
9	Trụ sở hành chính xã Đốt Mối, huyện Năm Căn	7684552	424/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	14.920	14.920			14.920	14.920	5.200	5.200	7.491	7.491	7.791	300		7.791	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
10	Trụ sở hành chính xã Đông Thới, huyện Cái Nước	7659860	412/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	14.485	14.485			14.485	14.485	6.612	6.612	7.662	7.662	7.576	86		7.576	Công trình hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
11	Xây dựng các hạng mục công trình phụ Trụ sở làm việc Huyện ủy Ngọc Hiển	7682985	412/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	7.285	7.285			7.285	7.285	5.200	5.200	740	740	740			740		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
12	Trụ sở làm việc Đài Truyền thanh huyện Phú Tân	7653356	390/QĐ-SXD ngày 29/9/2017	4.554	4.554			4.554	4.554	2.200	2.200	2.000	2.000	2.000			2.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
13	Kho Lưu trữ chuyên dụng tỉnh Cà Mau	7358582	1066/QĐ-UBND ngày 05/7/2018	93.266	39.518	7.581	7.581	63.748	10.000	32.000	2.000	33.748	10.000	10.000			10.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
14	Công trình đầu tư xây dựng 03 Nhà nghỉ nội bộ Tỉnh ủy	7673320	1143/QĐ-UBND ngày 19/7/2018	39.309	39.309			36.415	36.415	10.149	10.149	9.500	9.500	9.154	346		9.154	Giảm giá sau đấu thầu	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
15	Trụ sở làm việc Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau	7618682	354/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.704	14.704			14.704	14.704	4.150	4.150	7.951	7.951	7.951			7.951		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
16	Trụ sở làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường	7573814	1759/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	64.127	64.127			57.714	57.714	5.000	5.000	20.000	20.000	20.000			20.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
II Dự án khởi công mới năm 2020				63.840	63.840	-	-	63.840	63.840	1.332	1.332	28.155	28.155	30.655	2.500	0	30.655		
1	Cải tạo, nâng cấp công trình Trụ sở hành chính xã Nguyễn Phúc, huyện U Minh	7816947	315/QĐ-SXD ngày 18/10/2019	14.217	14.217			14.217	14.217			5.000	5.000	7.500	2.500		7.500	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện U Minh
2	Dự án đầu tư xây dựng hệ tầng Khu nhà ở trong Khu dịch vụ Làng nghề thuộc Công viên văn hóa - du lịch Mũi Cà Mau	7755813	119/QĐ-SXD ngày 14/5/2019	13.912	13.912			13.912	13.912			13.000	13.000	13.000			13.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
3	Trụ sở hành chính xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước	7720568	301/QĐ-SXD ngày 16/10/2018	13.701	13.701			13.701	13.701	570	570	4.000	4.000	4.000			4.000		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
4	Trụ sở hành chính xã Hiệp Tường, huyện Năm Căn	7749242	333/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	14.758	14.758			14.758	14.758	762	762	6.000	6.000	6.000			6.000		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
5	Cải tạo công trình Trụ sở Sở Thông tin và Truyền thông thành trụ sở Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính	7790919	368/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	7.252	7.252			7.252	7.252			155	155	155			155		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
III QUỐC PHÒNG - AN NINH				122.740	102.740	-	-	116.066	96.066	42.519	42.519	65.650	45.650	45.333	1.150	1.467	45.333		
I Dự án chuyển tiếp				104.854	84.854	-	-	99.969	79.969	41.569	41.569	57.650	37.650	36.183	0	1.467	36.183		
1	Dự án đầu tư xây dựng Trường bán, Theo trường huấn luyện BCHQS tỉnh Cà Mau	7004686	1870/QĐ-TM ngày 28/11/2018	26.000	6.000			26.000	6.000			26.000	6.000	5.000	1.000		5.000	Đang trình Bộ Quốc phòng điều chỉnh thiết kế BVTC-DT	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau



PHỤ LỤC II
ĐIỀU CHỈNH VÀ BỔ SUNG DANH MỤC KẾ HOẠCH VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT NĂM 2020
(Kèm theo Tờ trình số 126 /TT-UBND ngày 13/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

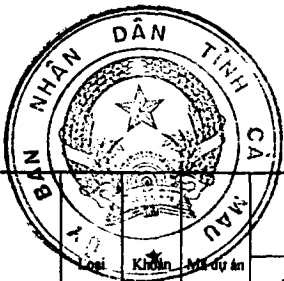
TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đầu kết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chức danh tư			
		Số QĐ; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tăng (+)	Giảm (-)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=(16+18)-19	21	22
	TỔNG SỐ					9.935.385	2.870.971	673.492	283.163	3.346.758	1.921.219	1.405.554	756.877	1.458.846	908.485	908.485	11.754	11.754	908.485		
A	LĨNH VỰC Y TẾ					1.127.384	745.553	467.418	183.402	514.129	514.129	296.688	296.688	182.519	182.519	180.519		2.000	180.519		
1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					942.170	647.839	467.418	183.402	417.586	417.586	296.688	296.688	101.255	101.255	101.255			101.255		
1	Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng			7146174	1625/QĐ-UBND ngày 31/10/2013; 1762/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	213.633	213.633	55.391	55.391	121.368	121.368	117.708	117.708	18.000	18.000	18.000			18.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Cà Mau			7182289	1831/QĐ-UBND ngày 29/10/2009; 1025/QĐ-UBND ngày 27/6/2018; 1213/QĐ-UBND ngày 06/7/2020	488.025	192.894	412.027	128.011	69.167	69.167	62.167	62.167	7.000	7.000	7.000			7.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Cà Mau			7562653	1865/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	48.407	48.407			43.566	43.566	33.816	33.816	4.255	4.255	4.255			4.255		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
4	Nhà Kỹ thuật nghiệp vụ kết hợp Khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa Cà Mau			7541537	1697/QĐ-UBND ngày 31/10/2015; 1777/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	105.907	105.907			105.907	105.907	62.697	62.697	32.000	32.000	32.000			32.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
5	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau thành đơn vị vệ tinh của Bệnh viện Ung Bướu giai đoạn 2016-2020			7684305	1766/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	86.198	86.198			77.578	77.578	20.300	20.300	40.000	40.000	40.000			40.000		Bệnh viện đa khoa Cà Mau
11	<i>Dự án khởi công mới năm 2020</i>					185.214	98.514	0	0	96.543	96.543	0	0	81.264	81.264	79.264	0	2.000	79.264		
1	Dự án đầu tư xây dựng mô hình Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau làm vệ tinh cho Bệnh viện Từ Dũ giai đoạn 2016-2020	423	132	7757509	469/QĐ-UBND ngày 21/3/2019	8.863	8.863			8.863	8.863			8.000	8.000	8.000			8.000		Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau
2	Dự án đầu tư xây dựng mô hình Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau làm vệ tinh cho Bệnh viện Nhi đồng 1 giai đoạn 2 (2016-2020)	423	132	7834487	1895/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	39.219	39.219			37.364	37.364			37.364	37.364	37.364			37.364		Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau
3	Dự án đầu tư hệ thống chụp cắt lớp vi tính cho Bệnh viện đa khoa Cà Mau			7790674	1881/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	40.016	40.016			40.016	40.016			32.000	32.000	30.000	2.000		30.000	Giảm giá sau đấu thầu	Bệnh viện đa khoa Cà Mau
4	Công trình đầu tư xây dựng mở rộng nhà đặt máy DSA thành đơn vị can thiệp tim mạch			7780935	238/QĐ-SXD ngày 22/8/2019	2.116	2.116			2.000	2.000			1.900	1.900	1.900			1.900		Bệnh viện đa khoa Cà Mau
5	Đổi ứng Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn (sử dụng vốn ODA của Ngân hàng Phát triển châu Á)				6689/QĐ-BYT ngày 02/11/2018	95.000	8.300			8.300	8.300			2.000	2.000	2.000			2.000		Sở Y tế
B	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO					443.731	443.731	-	-	439.871	439.871	107.824	107.824	246.666	246.666	247.468	1.726	924	247.468		
1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					179.242	179.242	0	0	177.727	177.727	107.824	107.824	55.547	55.547	56.747	1.200	0	56.747		

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư		
		Số QĐ; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tăng (+)	Giảm (-)						
11	Trường TH-THCS Nguyễn Bình Khánh, xã Khánh Lâm, huyện U Minh	.073	7816920	343/QĐ-SXD ngày 15/10/2019	14.950	14.950							5.000	5.000	5.000			Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
12	Trường THCS Tân Tiến, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi	.073	7799449	220/QĐ-SXD ngày 24/10/2019; 362/QĐ-SXD ngày 20/10/2020	9.024	9.024			9.024	9.024			8.528	8.528	8.854	326	8.854	Thanh toán khối lượng phát sinh	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
13	Trường THCS Thới Phong, xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi	.073	7812189	318/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	8.065	8.065			8.065	8.065			6.786	6.786	6.786			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi		
14	Trường THCS Ngọc Chánh, xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi	.073	7810138	332/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	9.815	9.815			9.815	9.815			7.558	7.558	7.558			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi		
15	Trường THCS Dương Thị Cẩm Vân, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi	.073	7791527	337/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	9.875	9.875			9.875	9.875			9.297	9.297	9.297			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi		
16	Trường THCS Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời	.073	7808863	360/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	8.997	8.997			8.997	8.997			8.000	8.000	8.000			Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời		
17	Trường THCS 2 Lợi An, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	.073	7835810	364/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	7.819	7.819			7.819	7.819			7.000	7.000	7.000			Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời		
18	Trường THCS Gò Công, xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân	.073	7826309	352/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	14.878	14.878			14.878	14.878			13.000	13.000	13.000			Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân		
19	Trường THCS Mỹ Bình, xã Phú Tân, huyện Phú Tân	.073	7826308	358/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	11.985	11.985			11.985	11.985			10.000	10.000	10.000			Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân		
20	Trường THPT Phan Ngọc Hiến, huyện Năm Căn	.073	7781478	1896/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	23.443	23.443			21.098	21.098			10.000	10.000	10.000			Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO		
21	Trường THPT Võ Thị Hồng, huyện Trần Văn Thời	.073	7717858	325/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	14.976	14.976			14.976	14.976			8.000	8.000	8.000			Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO		
22	Trường THPT Huỳnh Phi Hùng, huyện Trần Văn Thời	.073	7781479	326/QĐ-SXD ngày 25/10/2019; 274/QĐ-SXD ngày 25/8/2020	5.432	5.432			5.432	5.432			5.150	5.150	5.150			Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO		
23	Trường THPT Thái Thanh Hòa, huyện Đầm Dơi	.073	7781477	322/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	12.627	12.627			12.627	12.627			9.000	9.000	9.000			Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO		
C	LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI		335.906		181.515	21.780	19.761	289.803	148.751	53.354	53.354	50.989	56.800	55.003	550	2.347	55.003			
I	Dự án chuyển tiếp		238.694		114.535	21.780	19.761	191.791	81.791	53.354	53.354	11.600	21.100	19.383	550	2.347	19.383			
1	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Phú Tân (giai đoạn 1)		7275587	1659/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	39.977	39.977	19.761	19.761	20.216	20.216	15.430	15.430	4.700	4.700	2.553		2.147	2.553	Vương GPMB	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
2	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Nuôi dưỡng người tàn tật tỉnh Cà Mau		7618944	1813/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	18.210	18.210			18.210	18.210	11.449	11.449	4.900	4.900	5.450	550		5.450	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm chứng tích tội ác Mỹ Ngụy ở Diệt khu Hải Yên - Bình Hưng		7258703	1626/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	46.868	46.868	2.019		43.365	43.365	26.475	26.475	2.000	2.000	1.800		200	1.800	Nhu cầu thanh toán trong năm 2020 chỉ 1,8 tỷ đồng	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
4	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Điểm du lịch Đất Mũi thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Cà Mau		7560286	542/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 1270/QĐ-UBND ngày 31/7/2019; 1668/QĐ-UBND ngày 03/9/2020	133.639	9.500			110.000				9.500	9.500				9.500		Ban Quản lý dự án công trình Giao thông

TT	Danh mục dự án	Loại	Khuôn	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chức danh tư
					Số QĐ; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tăng (+)	Giảm (-)						
II	Dự án khởi công mới năm 2020					97.212	66.960	0	0	97.212	66.960	0	0	39.389	35.700	35.700	0	0	35.700		
1	Dự án đầu tư mua sắm xe truyền hình tư động chuẩn HD của Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau			7817027	1882/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	29.875	20.700			29.875	20.700			10.700	10.700	10.700			10.700		Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau
2	Tu bổ, chỉnh trang, nâng cấp Đền thờ Vua Hùng tại xã Tân Phú, huyện Thới Bình			7807092	1901/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	29.260	29.260			29.260	29.260			8.000	8.000	8.000			8.000		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
3	Công trình cải tạo, nâng cấp Tượng đài Khởi nghĩa Hòn Khoai, huyện Năm Căn			7796342	472/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	12.184	8.500			12.184	8.500			12.189	8.500	8.500			8.500		Hỗ trợ ngân sách huyện Năm Căn
4	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu nhà ở trong Khu du lịch Làng nghề thuộc Công viên Văn hóa - Du lịch Mũi Cà Mau	341		7755813	119/QĐ-SXD ngày 14/3/2019; 1363/QĐ-UBND ngày 22/7/2020	25.893	8.500			25.893	8.500			8.500	8.500	8.500			8.500		Ban Quản lý dự án công trình Giao thông
D	LĨNH VỰC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI					489.699	447.155	5.802	-	412.439	403.981	200.926	192.468	123.543	124.943	124.110	3.850	3.883	124.110		
a)	Dự án chuyển tiếp					300.162	257.618	5.802	-	240.368	231.910	199.627	191.169	28.543	29.943	26.060	0	3.883	26.060		
1	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh An, huyện U Minh (đoạn từ Cây Khô đến Trường THCS Nguyễn Văn Tố)			7007534	614/QĐ-UBND ngày 08/4/2014	126.362	83.818	5.802	-	73.892	73.892	73.892	73.892	8.000	8.000	4.124		3.876	4.124	Cắt hợp đồng với nhà thầu; tổ chức đấu thầu lại	Ủy ban nhân dân huyện U Minh
2	Công trình đầu tư xây dựng một đường đoạn từ cầu Kênh Năm đến cầu Thanh Tùng thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn			7664663	1816/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 906/QĐ-UBND ngày 30/5/2019	28.976	28.976			26.078	26.078	21.669	21.669	3.286	3.286	3.279		7	3.279	Công trình hoàn thành	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
3	Tuyến đường từ trung tâm xã Phong Điền đến Đám Thị Tường, huyện Trần Văn Thời			7610805	1805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.258	44.258			39.832	39.832	24.200	24.200	5.257	5.257	5.257			5.257		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
4	Dự án đầu tư xây dựng mới 03 cầu (cầu Xi Tọc, cầu Trung Đoàn và cầu Công An) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn			7562293	1805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	46.165	46.165			46.165	46.165	41.408	41.408		1.400	1.400			1.400		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
5	Cầu qua sông Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân			7603197	1162/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	54.401	54.401			54.401	45.943	38.458	30.000	12.000	12.000	12.000			12.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
b)	Dự án khởi công mới năm 2020					189.537	189.537	-	-	172.071	172.071	1.299	1.299	95.000	95.000	92.050	3.050	0	92.050		
1	Cầu bắc ngang sông Cái Tàu, huyện U Minh			7596751	1863/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	88.954	88.954			80.058	80.058	412	412	32.700	32.700	32.700			32.700		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
2	Cầu Xóm Rạng, huyện Đầm Dơi			7636415	1808/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	34.520	34.520			31.068	31.068	429	429	17.300	17.300	17.300			17.300		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
3	Cầu Cơi Năm và cầu Kênh Đưng, huyện Trần Văn Thời			7652205	1758/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	26.425	26.425			23.782	23.782	458	458	14.000	14.000	17.050	3.050		17.050	Thanh toán chi phí GPMB và khởi công thực hiện	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
4	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường nhựa Kênh T21 (đoạn từ cầu kênh T21 đến giáp đường công Khố Điện Đạm), huyện U Minh			7734354	1357/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	24.742	24.742			22.267	22.267			19.000	19.000	19.000			19.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
5	Cầu Đinh Hạn trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển			7794716	1012/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2019	14.896	14.896			14.896	14.896			12.000	12.000	12.000			12.000		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 để bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chức danh tư
					Số QĐ; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tăng (+)	Giảm (-)			
2	Công trình nâng cấp, cải tạo công trình cấp nước tại Trụ sở Vườn Quốc gia U Minh hạ và lắp đặt mới tuyến ống kính T19	280	311	7753193	72/QĐ-SXD ngày 04/4/2019	4.262	4.262			4.262	4.262			4.159	4.159	4.159			4.159		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
G	CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG					686.264	608.683	148.492	-	472.966	95.703	225.253	407	144.639	129.639	129.639	0	0	129.639		
a)	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					627.887	550.306	148.492	-	417.263	40.000	224.846	-	98.286	75.286	75.286	-	-	75.286		
1	Cầu qua sông Tắc Thái thuộc đường Vĩnh đai 1, thành phố Cà Mau			7440195	1984/QĐ-UBND ngày 27/12/2013; 913/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	191.301	191.301			172.171	25.000	49.838		15.000	15.000	15.000			15.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
2	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ Hành lang ven biển phía Nam đến điểm du lịch sinh thái Sông Trẹm			7498224	1679/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	115.525	115.525			89.755		89.755		10.000	10.000	10.000			10.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
3	Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường Ngô Quyền, thành phố Cà Mau	292		7404890	1981/QĐ-UBND ngày 27/12/2013	231.080	231.080	131.828		82.020	15.000	39.500		38.286	38.286	38.286			38.286		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
4	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống giao thông khu hành chính huyện Phú Tân			7147972	1297/QĐ-UBND ngày 29/7/2009	89.981	12.400	16.664		73.317		45.753		27.000	12.000	12.000			12.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
b)	<i>Dự án khởi công mới năm 2020</i>					58.377	58.377	-	-	55.703	55.703	407	407	54.353	54.353	54.353	-	-	54.353		
1	Cầu Cây Dương, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi			7799948	1011/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2019	14.027	14.027			11.353	11.353			11.353	11.353	11.353			11.353		Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
2	Dự án đầu tư xây dựng đường Phan Ngọc Hiển (nổi dài), huyện Phú Tân			7603666	1807/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.350	44.350			44.350	44.350	407	407	43.000	43.000	43.000			43.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
H	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					4.448.388	101.420	-	-	-	-	-	-	5.768	5.251	5.151	-	100	5.151		
1	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh Cà Mau				05/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	3.322.575								650	650	650			650		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Dự án xây dựng tuyến đường từ xã Tân Trung (đầu nối đường Lương Thế Trân - Đầm Dơi) đến đường trục chính Đông Tây			7817443	1903/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	44.035								470	470	440	30	440	Chỉ phí lập dự án giảm do với dự toán ban đầu	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
3	Hệ thống thoát nước đường Hải Thượng Lãn Ông			7817445	1904/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	23.844								288	288	238	50	238	Chỉ phí lập dự án giảm do với dự toán ban đầu	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
4	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tắc Thái - Rạch Ràng - Sông Đốc đoạn qua nội ô thị trấn Trần Văn Thời (từ cầu Rạch Ràng đến đường số 11).			7817444	1919/QĐ-UBND ngày 14/10/2020	61.858								260	260	240	20	240	Điều chỉnh giảm các hạng mục trong dự toán khi lập dự án ban đầu	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
5	Dự án đầu tư nâng cấp đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn từ ngã tư Xóm Ruộng đến thị trấn Đầm Dơi)			7825447	631/QĐ-UBND ngày 15/4/2020	58.876								900	400	400			400		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường về trung tâm xã Hàng Vĩnh (ngã tư Vòng xoay đến Vàm Xáng Cái Ngay), huyện Năm Căn			7859367	1817/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	101.420	101.420							500	500	500			500		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
7	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ Bến phà xã Hiệp Thành - Lầu trưởng 184 đến Bến phà qua xã Tân Giang, đầu nối tuyến đường ở tổ về trung tâm xã Tân Giang, huyện Năm Căn													400	400	400			400		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Để xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chức danh tư
		Số QĐ; ngày; tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tăng (+)	Giảm (-)						
8	Dự án xây dựng cầu Trảng Cò và cầu Ruộng	7530354	85.772									300	283	283		283		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
10	Dự án xây dựng đê biển Tây từ Cái Đồi Văn đến Kênh Năm và kè phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa biển sông Ông Đốc đến cửa biển Bảy Háp, tỉnh Cà Mau	7791469	750.000									2.000	2.000	2.000		2.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
I	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TỒN BỘNG SAU QUYẾT TOÁN						5.512	5.512	4.304	4.304	20.000	20.000	20.000		20.000		Sở Tài chính trình phân khai sử dụng	



PHỤ LỤC III
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT NĂM 2019 CHUYỂN SANG NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số 126 TT-UBND ngày 13/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn đã giải ngân từ đầu năm 2015	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 (từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/12/2020)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư			
		Số QĐ; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tăng (+)	Giảm (-)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=(15+17)-18	20	21
	TỔNG SỐ					1.391.158	544.529	0	1.020.681	507.681	576.713	306.155	46.661	46.661	46.661	145	145	46.661		
A	LĨNH VỰC Y TẾ					240.512	240.512	0	227.051	227.051	91.038	91.038	31.810	31.810	31.810	0	0	31.810		
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					154.314	154.314	0	149.473	149.473	90.001	90.001	12.547	12.547	12.547	0	0	12.547		
1	Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Cà Mau			7562653	1865/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	48.407	48.407		43.566	43.566	27.304	27.304	1.722	1.722	1.722			1.722		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Nhà Kỹ thuật nghiệp vụ kết hợp Khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa Cà Mau			7541537	1777/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	105.907	105.907	0	105.907	105.907	62.697	62.697	10.825	10.825	10.825			10.825		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
<i>II</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>					86.198	86.198	0	77.578	77.578	1.037	1.037	19.263	19.263	19.263	0	0	19.263		
1	Đề án xây dựng các bệnh viện tỉnh (Bệnh viện đa khoa Cà Mau và Bệnh viện Sản - Nhi) làm vệ tinh các bệnh viện TP.HCM giai đoạn 2016 - 2020					86.198	86.198		77.578	77.578	1.037	1.037	19.263	19.263	19.263			19.263		
	<i>Trong đó:</i>																			
<i>I.1</i>	<i>Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau thành đơn vị vệ tinh của Bệnh viện Ung Bướu giai đoạn 2016-2020</i>			7684305	1766/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	86.198	86.198		77.578	77.578	1.037	1.037	19.263	19.263	19.263			19.263		Bệnh viện đa khoa Cà Mau
B	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO					174.479	174.479	0	164.823	164.823	142.510	134.952	5.707	5.707	5.707	145	145	5.707		
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					74.344	74.344	0	69.130	69.130	66.341	58.783	760	760	760	0	0	760		
1	Trụ sở Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cà Mau			7536929	1601/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 và quyết định (điều chỉnh) số 914/QĐ-UBND ngày 31/5/2019	48.444	48.444		48.131	48.131	45.868	38.310	172	172	172			172		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Trường THCS Trần Quốc Toản, xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước	073		7679835	428/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	14.930	14.930	0	14.500	14.500	13.675	13.675	386	386	386			386		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
3	Trường THCS Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	073		7668335	421/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	10.970	10.970		6.499	6.499	6.798	6.798	202	202	202			202		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
<i>II</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>					100.135	100.135	0	95.693	95.693	76.169	76.169	4.947	4.947	4.947	145	145	4.947		
1	Xây dựng 06 phòng học tại Trường THPT Viên An, huyện Ngọc Hiển	070	074	7707936	307/QĐ-SXD 19/10/2018	7.178	7.178		7.178	7.178	6.516	6.516	398	398	398			398		Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
2	Nâng cấp Trường THPT Huỳnh Phi Hùng, huyện Trần Văn Thời			7710188	322/QĐ-SXD ngày 24/10/2018	13.272	13.272		13.272	13.272	10.745	10.745	255	255	255			255		Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
3	Trường Trung học cơ sở Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời			7742165	334/QĐ-SXD ngày 25/10/2018	11.448	11.448		11.448	11.448	9.576	9.576	786	786	671		115	671	115	Quyết toán hoàn thành Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
4	Trường Trung học cơ sở Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi		073	7748378	399/QĐ-SXD 31/10/2018	14.961	14.961	0	14.500	14.500	14.437	14.437	250	250	250			250		Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lý do vốn đã giải ngân từ đầu năm 2015 đến hết năm 2015	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 (từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/12/2020)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ: ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tăng (+)		Giảm (-)				
5	Xây dựng sửa chữa Trường Trung học cơ sở xã Đái Mũi, huyện Ngọc Hiển			7725814	348/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	5.485	5.485		4.810	4.810	3.194	3.194	1.000	1.000	970		30	970	Quyết toán hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
6	Trường Trung học cơ sở Bông Văn Địa, huyện Ngọc Hiển			7746954	398/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	12.564	12.564		9.800	9.800	7.977	7.977	23	23	23			23		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
7	Trường THCS Đặng Tấn Triệu, xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân			7724329	298/QĐ-UBND ngày 16/10/2018	11.190	11.190		11.190	11.190	10.000	10.000	451	451	596	145		596	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
8	Trường THCS Việt Khái, xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân			7724328	314/QĐ-SXD ngày 23/10/2018	9.925	9.925		9.383	9.383	9.000	9.000	383	383	383			383		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
9	Trường Trung học cơ sở Trần Ngọc Hy, xã Khánh Thuận, huyện U Minh			7741355	353/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.112	14.112		14.112	14.112	4.724	4.724	1.401	1.401	1.401			1.401		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
C	LĨNH VỰC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU					976.167	129.538	0	628.307	115.307	343.165	80.165	9.144	9.144	9.144	0	0	9.144		
I	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xây dựng nông thôn mới					88.133	83.790	0	70.859	70.059	50.827	50.827	5.875	5.875	5.875	0	0	5.875		
a)	Dự án chuyển tiếp					43.875	43.875	0	34.259	34.259	27.738	27.738	4.764	4.764	4.764	0	0	4.764		
1	Tuyến đường đầu nối từ cầu qua sông Rạch Gốc đến cầu Nhà Diệt, xã Tân An, huyện Ngọc Hiển			7665156	579/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2017	14.899	14.899		10.290	10.290	10.290	10.290	121	121	121			121		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
2	Công trình đầu tư xây dựng mặt đường đoạn từ cầu Kênh Năm đến cầu Thanh Tùng thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn			7664663	906/QĐ-UBND ngày 30/05/2019	28.976	28.976		24.569	24.569	17.448	17.448	4.643	4.643	4.643			4.643		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
b)	Dự án khởi công mới năm 2019					44.258	39.915	0	35.200	35.200	23.089	23.089	1.111	1.111	1.111	0	0	1.111		
1	Tuyến đường từ trung tâm xã Phong Điền đến Đầm Thị Tương, huyện Trần Văn Thới			7610805	1805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.258	39.915		35.200	35.200	23.089	23.089	1.111	1.111	1.111			1.111		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
II	Các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu					888.034	45.748	0	558.748	45.748	292.338	29.338	3.269	3.269	3.269	0	0	3.269		
a)	Dự án chuyển tiếp					813.046	32.343	0	485.343	32.343	220.931	17.931	2.412	2.412	2.412	0	0	2.412		
1	Đổi ứng Dự án "Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Cà Mau" (CRSD Cà Mau)	280	284	7371237	1700/QĐ-UBND ngày 07/11/2014	313.046	11.343		11.343	11.343	10.400	10.400	943	943	943			943		Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn
2	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tiểu vùng II, III, V - Cà Mau	280	283	7643016	4423/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017	500.000	21.000		474.000	21.000	210.531	7.531	1.469	1.469	1.469			1.469		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
b)	Dự án khởi công mới năm 2019					74.988	13.405	0	73.495	13.405	71.407	11.407	857	857	857	0	0	857		
1	Dự án xây dựng Kè cấp bách bảo vệ đê biển Tây kết hợp xây dựng khu tái định cư (đoạn từ cống Sào Lưới đến Bắc cống Đá Bạc và đoạn từ Nam Đá Bạc hướng về Kênh Mới)	280	284	7700726	1049/QĐ-UBND ngày 25/6/2019	74.988	13.405		73.405	13.405	71.407	11.407	857	857	857			857		Ban Quản lý các dự án ODA&NGO